

Số: /TTr-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 1**TỜ TRÌNH****Chính sách của Dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng
(Tài liệu phục vụ thẩm định Bộ Tư pháp)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ xem xét, thông qua chính sách của Dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****a) Cơ sở chính trị**

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta xác định phát triển công nghiệp vật liệu, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo là yêu cầu cấp bách; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Việc hoàn thiện khung pháp lý về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) nhằm thúc đẩy đổi mới công nghệ, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm phát thải; khuyến khích phát triển, sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng mới, vật liệu tái chế, vật liệu xanh, vật liệu nhẹ, vật liệu thông minh, vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường và các loại vật liệu phù hợp điều kiện đặc thù (ven biển, hải đảo) là cần thiết để thực hiện các chủ trương, định hướng nêu trên. Cụ thể:

- Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc mô hình tăng trưởng, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp phát thải các-bon thấp, theo đó: *“Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng; tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các hệ sinh thái. Thúc đẩy phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực, các vùng, miền, ở từng cấp độ. Từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch, chuyển mạnh sang phát triển và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Có chính sách thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài*

nguyên”. Trong bối cảnh đó, phát triển ngành vật liệu xây dựng theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, phát thải thấp, gắn với kinh tế tuần hoàn là một trong những nội dung cụ thể hóa quan điểm, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật yêu cầu: *“Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và giải quyết hiệu quả, kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể; bảo đảm cơ sở pháp lý và các điều kiện để đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong ban hành và tổ chức thi hành pháp luật. Các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài.”*

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đề ra nhiệm vụ *“tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền địa phương.”*

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nền tảng, động lực then chốt của phát triển nhanh, bền vững; nhấn mạnh yêu cầu gắn kết chặt chẽ giữa phát triển các ngành công nghiệp nền tảng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn; đồng thời yêu cầu: *“khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực”*.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị đã đề ra chiến lược *“đột phá”* trong quá trình hội nhập, yêu cầu nâng cao vị thế đất nước như một trung tâm đổi mới sáng tạo, sản xuất thông minh, khởi nghiệp và đầu tư công nghệ cao. Hội nhập không chỉ dừng lại ở thế tiếp nhận, mà còn tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, đóng góp vào các lĩnh vực mới, tạo ra sức mạnh chung để phát huy nội lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ,

thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính; giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ pháp luật và đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tăng cường hậu kiểm.

- Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI và các chương trình, kế hoạch triển khai của Quốc hội, Chính phủ đã xác định nhiệm vụ xây dựng Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng.

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” yêu cầu *đẩy mạnh xây dựng đồng bộ thể chế kiến tạo và phát triển bền vững; phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính; khẩn trương tháo gỡ các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, tập trung rà soát, hoàn thiện pháp luật về đầu tư kinh doanh, đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng; chuẩn hóa, số hóa quy trình, liên thông, chia sẻ dữ liệu và rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Kết luận đồng thời đặt yêu cầu hiện đại hóa nền công nghiệp, phát triển vật liệu mới, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.* Đây là căn cứ chính trị quan trọng để chính sách Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng được thiết kế theo hướng kiến tạo phát triển, phân cấp, quản lý bằng tiêu chuẩn, dữ liệu và hậu kiểm, không tạo thêm thủ tục hành chính hoặc điều kiện kinh doanh không cần thiết.

- Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 31-CTTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới đã đặt ra nhiệm vụ “*Hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và chủ động xây dựng thể chế thúc đẩy kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp*”. Trong đó, ngành VLXD, đặc biệt các vật liệu mới và công nghệ sạch, sẽ đóng vai trò quan trọng, thúc đẩy kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp, góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Kết luận số 76-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp yêu cầu *khẩn trương rà*

soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật; tháo gỡ điểm nghẽn, mâu thuẫn, chông chéo phát sinh trong thực tiễn; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực. Đối với lĩnh vực liên ngành, Kết luận định hướng một việc có một cơ quan chủ trì, một đầu mối chịu trách nhiệm chính, một nguồn dữ liệu dùng chung, một quy trình phối hợp liên thông và một cơ chế kiểm tra, giám sát rõ ràng. Đây là căn cứ quan trọng để thiết kế cơ chế quản lý nhà nước về VLXD theo hướng rõ trách nhiệm, tăng liên thông dữ liệu và phân cấp thực chất cho địa phương.

- Kết luận số 83-KL/TW ngày 08/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam xác định *phát triển công nghiệp vật liệu là nhiệm vụ chiến lược của quốc gia; đối với nhóm vật liệu cơ bản, trong đó có vật liệu xây dựng, yêu cầu giữ vững năng lực sản xuất, ổn định cung ứng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; cơ cấu lại theo hướng hiện đại, xanh, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, phát triển kinh tế tuần hoàn; hình thành chuỗi cung ứng nguyên liệu ổn định, gắn với hạ tầng chiến lược và logistics; chủ động điều tiết quy mô, cơ cấu một số ngành vật liệu xây dựng phù hợp nhu cầu thị trường; thúc đẩy vật liệu không nung, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu thay thế cát tự nhiên; hoàn thiện cơ sở dữ liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu về phát thải các-bon.*

- Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới yêu cầu *phát triển ngành vật liệu xây dựng bền vững, tự chủ, có năng lực cạnh tranh quốc tế; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; sản xuất, sử dụng vật liệu xanh, sạch, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, vật liệu thay thế, vật liệu tái chế, giảm phát thải. Chỉ thị đồng thời yêu cầu rà soát, hoàn thiện hệ thống quy hoạch, chiến lược; nghiên cứu ban hành Luật về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng; xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính; nghiên cứu cơ chế đặc thù bảo đảm vật liệu san lấp cho công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia; hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức và cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng. Đây là căn cứ chính trị trực tiếp và quan trọng nhất đối với việc xây dựng Luật về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng.*

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật;

- Thông báo số 08-TB/BCĐTW ngày 08/8/2025 thông báo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp của Ban Chỉ đạo.

b) Cơ sở pháp lý và căn cứ chỉ đạo tổ chức thực hiện

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 quy định nguyên tắc về phát triển, sản xuất, sử dụng vật liệu xây dựng và chính sách khuyến khích đối với vật liệu mới, tái chế, xanh, nhẹ, thông minh.
- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15.
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15.
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 70/2025/QH15.
- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.
- Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 77/2025/QH15.
- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15.
- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15.
- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.
- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15.
- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15.
- Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;
- Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.
- Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng.
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP.

- Các quy định pháp luật có liên quan về đất đai, tín dụng, đấu thầu, đầu tư công, quản lý ngoại thương,...

- Nghị quyết số 185/NQ-CP ngày 10/7/2026 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI; trong đó giao Bộ Xây dựng chủ trì nghiên cứu, xây dựng dự án Luật về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng, gửi báo cáo kết quả về Bộ Tư pháp trước ngày 31/12/2026, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 15/01/2027 và dự kiến đưa nhiệm vụ vào Chương trình lập pháp năm 2027.

- Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 03-CT/TW giao Bộ Xây dựng nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng.

- Công văn số 435/TTg-TCCV ngày 25/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để bảo đảm các nguyên tắc tại Luật Tổ chức Chính phủ; theo đó yêu cầu tuân thủ nguyên tắc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, không quy định trong luật những nội dung về tổ chức bộ máy, tên Bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể thuộc thẩm quyền phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trừ trường hợp thật sự cần thiết thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội và phải giải trình rõ.

- Công điện số 36/CĐ-TTg ngày 25/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết; yêu cầu xây dựng văn bản quy định chi tiết theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đúng thẩm quyền, hạn chế chia nhỏ thành nhiều văn bản; chủ động xây dựng đồng thời với dự án luật để bảo đảm có hiệu lực cùng thời điểm và không tạo khoảng trống pháp lý.

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quan trọng nhằm định hướng phát triển ngành VLXD, nổi bật như Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050; Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất VLXD và trong công trình xây dựng; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26/3/2021 về đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất VLXD và trong công trình xây dựng; Quyết định số 2171/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung tại Việt Nam đến năm 2030. Các văn bản này thể hiện định hướng nhất quán về phát triển vật liệu xanh, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, tận dụng chất thải, phế thải làm tài nguyên thứ cấp và bảo đảm phát triển bền vững.

Ngoài ra, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã từng bước hoàn thiện đồng bộ, hội nhập quốc tế, phục vụ kiểm soát chất lượng sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, trong đó QCVN 16:2023/BXD về sản phẩm, hàng hóa VLXD cùng với khoảng 700 tiêu chuẩn TCVN về VLXD đang tiếp tục được áp dụng, hoàn thiện.

Qua tổng kết quy định pháp luật về VLXD cho thấy hệ thống pháp luật chuyên ngành về đầu tư, đất đai, khoáng sản, môi trường, chất lượng, tiêu chuẩn - quy chuẩn, thuế, tín dụng, đấu thầu, khoa học - công nghệ và năng lượng,... đều có sự điều chỉnh nhất định liên quan đến lĩnh vực VLXD. Vì vậy, định hướng xây dựng chính sách Luật Quản lý, phát triển VLXD cần tập trung vào các vấn đề đặc thù và các điểm nối giữa các hệ thống pháp luật: chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành; bảo đảm an ninh nguồn cung và điều phối cung - cầu; quản lý chế biến, sử dụng nguyên liệu; phát triển sản xuất xanh, tuần hoàn, phát thải thấp; sử dụng VLXD trong công trình; tài nguyên thứ cấp và vật liệu tái chế; dữ liệu chuyên ngành và trách nhiệm phối hợp quản lý nhà nước.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thực tiễn trong nước

Ngành công nghiệp vật liệu xây dựng là một trong những ngành công nghiệp cơ bản, gắn trực tiếp với phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị, nhà ở, giao thông, năng lượng, công nghiệp, quốc phòng và an ninh; có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, tạo việc làm cho hàng triệu lao động. Thực tiễn quản lý, phát triển vật liệu xây dựng cho thấy yêu cầu đồng thời phải giữ vững năng lực sản xuất, ổn định cung ứng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; chuyển đổi theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải thấp; sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; bảo đảm nguồn vật liệu cho các công trình hạ tầng chiến lược. Các yêu cầu này có tính liên ngành, liên vùng và cần được xử lý đồng bộ ở cấp luật.

Cơ sở thực tiễn của 06 chính sách được xác định theo 06 nhóm vấn đề tương ứng với phạm vi điều chỉnh dự kiến của Luật, cụ thể như sau:

(1) Công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng chưa được xác lập đồng bộ

Chiến lược phát triển VLXD, nội dung phát triển VLXD trong hệ thống quy hoạch và Kế hoạch phát triển VLXD của địa phương chưa được xác định đầy đủ về vị trí pháp lý, chức năng và mối quan hệ. Sau khi quy hoạch sản phẩm bị bãi bỏ, yêu cầu đặt ra là có công cụ định hướng, theo dõi, đánh giá và dự báo phù hợp nhưng không quay lại cơ chế ấn định công suất, sản lượng hoặc sử dụng kế hoạch làm điều kiện đầu tư.

(2) Chính sách phát triển vật liệu xây dựng chưa tạo được chuỗi liên kết đầy đủ từ đổi mới công nghệ đến phát triển sản phẩm mới, sản phẩm xanh

Quá trình đổi mới công nghệ, tiết kiệm nguyên liệu - nhiên liệu - năng lượng và giảm phát thải diễn ra chưa đồng đều. Các cơ chế hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, sản xuất thử, thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa, chuyển giao và thương mại hóa đã được quy định tại pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, thuế, tín dụng, môi trường nhưng còn phân tán; chưa có tiêu chí chuyên ngành rõ để nhận diện nhóm VLXD mới, xanh, tái chế, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên liệu thứ cấp và phát thải thấp làm căn cứ kết nối chính sách.

(3) Cơ chế quản lý chế biến, sử dụng nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng chưa bảo đảm đầy đủ tính chủ động của thị trường, yêu cầu sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả và an ninh nguồn cung VLXD thông thường

Nguồn nguyên liệu hợp pháp phân bố không đồng đều; dữ liệu về quỹ mỏ, công suất khai thác, chất lượng, sản lượng, nhu cầu, giá và khả năng vận chuyển chưa được kết nối đầy đủ với nhu cầu VLXD. Việc sử dụng đúng cấp chất lượng, tận dụng khoáng sản đi kèm, đất đá thải mỏ, quặng đuôi và nguyên liệu thay thế còn hạn chế. Đồng thời, cát, đá, vật liệu san lấp có thể thiếu cục bộ theo vùng và thời điểm khi nhiều dự án hạ tầng triển khai đồng thời, trong khi cơ chế dự báo sớm và phối hợp liên vùng, liên tỉnh còn chưa ổn định.

(4) Yêu cầu đối với vật liệu xây dựng sử dụng trong công trình chưa được hệ thống hóa đầy đủ, đồng bộ

Quy định về chất lượng, nguồn gốc, lựa chọn và sử dụng vật liệu trong công trình được quy định tại nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành. Một số vấn đề đối với vật liệu mới, vật liệu tái chế, vật liệu tái sử dụng, vật liệu sản xuất từ chất thải và cấu kiện chế tạo sẵn chưa có cơ chế kỹ thuật đồng bộ để áp dụng rộng rãi; cần xác định rõ nguyên tắc chuyên ngành về vật liệu mà không lặp lại trách nhiệm quản lý chất lượng thi công đã được pháp luật về xây dựng điều chỉnh.

(5) Thu hồi, tái sử dụng, tái chế chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu xây dựng và phát triển kinh tế tuần hoàn chưa tương xứng tiềm năng

Chất thải rắn xây dựng, tro, xỉ, thạch cao và phế thải công nghiệp có tiềm năng sử dụng lớn nhưng việc phân loại, thu hồi, tái sử dụng, tái chế và tiêu thụ sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức. Điểm chuyển tiếp từ quản lý chất thải sang quản lý nguyên liệu, sản phẩm; yêu cầu kỹ thuật, chất lượng; hạ tầng thu gom, xử lý và thị trường vật liệu thứ cấp chưa đồng bộ.

(6) Công tác quản lý nhà nước, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu quản trị ngành dựa trên dữ liệu

Nội dung quản lý VLXD đang phân tán ở nhiều hệ thống pháp luật; cơ chế phối hợp, phân cấp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan chưa đồng bộ. Dữ liệu về năng lực sản xuất, sản lượng, nguồn nguyên liệu, chất lượng, giá, cung - cầu, thị trường và VLXD mới - xanh - tái chế được thu thập từ nhiều nguồn, chưa thống

nhất về nguồn dữ liệu gốc, mã định danh, kỳ cập nhật và chuẩn kết nối; tình trạng yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có vẫn có thể phát sinh.

Từ những cơ sở nêu trên, việc xây dựng Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng là cần thiết để xác lập khung pháp lý ở cấp luật cho 06 nhóm vấn đề cốt lõi: (i) Chiến lược - quy hoạch - kế hoạch; (ii) Phát triển VLXD; (iii) Nguyên liệu và bảo đảm nguồn cung VLXD thông thường; (iv) Sử dụng VLXD trong công trình; (v) Thu hồi, tái chế chất thải làm vật liệu xây dựng; phát triển kinh tế tuần hoàn; (vi) Quản lý nhà nước, chuyển đổi số và cơ sở dữ liệu. Luật không quy định lại thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết hoặc thẩm quyền đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh.

b) Kinh nghiệm quốc tế tham khảo

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, quản lý vật liệu xây dựng đang chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu dựa trên quản lý sản xuất, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật sang quản lý theo chuỗi giá trị, hiệu năng, an toàn, môi trường và vòng đời sản phẩm. Tại Liên minh châu Âu (EU), Quy định về sản phẩm xây dựng (EU) 2024/3110 thiết lập các quy tắc hài hòa đối với việc đưa sản phẩm xây dựng ra thị trường, đồng thời yêu cầu quan tâm đến các chỉ tiêu về an toàn, môi trường và đánh giá vòng đời; quy định cũng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số và minh bạch thông tin sản phẩm. Đáng chú ý, EU định hướng xây dựng hộ chiếu số cho sản phẩm xây dựng, qua đó tăng khả năng truy xuất, cung cấp thông tin cho người sử dụng và hỗ trợ lựa chọn các sản phẩm có hiệu quả môi trường cao hơn.

Australia lại nổi bật với mô hình quản lý dựa trên hiệu năng thông qua Bộ luật Xây dựng quốc gia (NCC), trong đó không bắt buộc phải sử dụng một loại vật liệu hay sản phẩm cụ thể mà tập trung yêu cầu vật liệu phải “phù hợp với mục đích sử dụng” và phải có bằng chứng chứng minh sự phù hợp. Cách tiếp cận này tạo dư địa cho đổi mới công nghệ, vật liệu mới nhưng vẫn bảo đảm an toàn và chất lượng công trình. Đồng thời, trách nhiệm bảo đảm sự phù hợp được phân bổ trong toàn bộ hệ thống pháp luật và chuỗi cung ứng, từ nhà sản xuất, nhà cung cấp đến chủ thể thiết kế và thi công.

Singapore cũng áp dụng cách tiếp cận kết hợp giữa quy định pháp luật, yêu cầu về tính năng và hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật. Pháp luật về kiểm soát xây dựng trao cơ sở để quy định về sự phù hợp và sử dụng vật liệu, yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm vật liệu và áp dụng các tiêu chuẩn được công nhận; đồng thời gắn quản lý vật liệu với các mục tiêu về hiệu quả, tiêu chuẩn hóa và phát triển bền vững của ngành Xây dựng.

Từ kinh nghiệm quốc tế có thể rút ra một số nguyên tắc phù hợp để tham khảo: (i) Tiếp cận quản lý VLXD theo chuỗi và vòng đời nhưng phân định rõ trách nhiệm ở từng khâu; (ii) Ưu tiên quản lý bằng yêu cầu tính năng, tiêu chuẩn, quy chuẩn và bằng chứng kỹ thuật; (iii) Công nhận, kế thừa kết quả đánh giá sự phù hợp và tăng truy xuất thông tin; (iv) Số hóa dữ liệu sản phẩm; (v) Thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài

nguyên, vật liệu tái chế và giảm phát thải; (vi) Tạo hành lang cho vật liệu mới nhưng không hình thành thủ tục cấp phép sản phẩm riêng khi pháp luật hiện hành đã có công cụ kiểm soát phù hợp.

c) Những vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp

Trên cơ sở Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật, có thể xác định 06 nhóm vấn đề cần được xử lý ở cấp luật:

Một là, pháp luật hiện hành chưa xác lập đầy đủ vị trí pháp lý, chức năng và mối quan hệ giữa Chiến lược phát triển VLXD, nội dung phát triển VLXD trong hệ thống quy hoạch và Kế hoạch phát triển VLXD của địa phương; sau khi quy hoạch sản phẩm bị bãi bỏ, còn thiếu cơ chế ổn định ở cấp luật về dự báo, cảnh báo, theo dõi cung - cầu nhưng không quay lại ấn định công suất, sản lượng.

Hai là, các nguyên tắc phát triển chuyên ngành đối với VLXD mới, VLXD xanh, VLXD tái chế, vật liệu tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên liệu thứ cấp và phát thải thấp đã được đề cập tại nhiều văn bản pháp luật nhưng chưa được hệ thống hóa thành khung chuyên ngành ở cấp luật; chưa có cơ chế đủ rõ để kết nối chuỗi nghiên cứu - sản xuất thử - thử nghiệm - tiêu chuẩn hóa - chuyển giao - thương mại hóa với các chính sách ưu đãi hiện hành.

Ba là, pháp luật địa chất và khoáng sản đã điều chỉnh tương đối đầy đủ công tác điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác khoáng sản nhưng chưa giải quyết đầy đủ ở góc độ ngành VLXD đối với chế biến, lựa chọn, sử dụng đúng cấp chất lượng, đa dạng hóa nguồn nguyên liệu hợp pháp, thị trường nguyên liệu và cơ chế dự báo, phối hợp bảo đảm nguồn VLXD thông thường khi nhu cầu tăng đột biến.

Bốn là, quy định về VLXD với tư cách sản phẩm, hàng hóa và quy định về vật liệu khi đưa vào công trình còn nằm ở các hệ thống pháp luật khác nhau; chưa có nguyên tắc chuyên ngành đủ rõ về kế thừa kết quả thử nghiệm, chứng nhận, đánh giá sự phù hợp và dữ liệu chất lượng để hạn chế kiểm tra, thử nghiệm, cung cấp hồ sơ trùng lặp; hành lang kỹ thuật đối với một số vật liệu mới, tái chế còn chưa đầy đủ.

Năm là, pháp luật bảo vệ môi trường đã quy định việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải và trường hợp chất thải đáp ứng yêu cầu được quản lý như sản phẩm, hàng hóa, nhưng pháp luật VLXD chưa làm rõ đầy đủ điểm chuyển tiếp từ chất thải, phế thải, phụ phẩm, vật liệu thu hồi sang nguyên liệu hoặc sản phẩm VLXD; cơ chế kỹ thuật và thị trường đối với vật liệu tái chế còn thiếu đồng bộ.

Sáu là, nội dung quản lý nhà nước và dữ liệu VLXD còn phân tán; chưa hình thành đầy đủ Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu VLXD dùng chung với quy tắc về nguồn dữ liệu gốc, chuẩn kết nối, tái sử dụng dữ liệu, chia sẻ liên ngành và quản trị dựa trên dữ liệu, rủi ro.

d) Vướng mắc, bất cập từ thực tiễn

Tổng hợp báo cáo của địa phương, cơ quan quản lý, doanh nghiệp và kết quả theo dõi thị trường cho thấy một số vướng mắc nổi bật: thiếu hụt cục bộ cát, đá, vật liệu san lấp khi nhiều dự án hạ tầng triển khai đồng thời; phụ thuộc nguồn cung liên tỉnh và biến động giá; độ trễ giữa nhu cầu vật liệu với điều tra, quy hoạch, cấp phép,...; dư địa công suất lớn ở một số sản phẩm vật liệu nhưng hiệu quả khai thác và thị trường chưa ổn định.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại giao thoa giữa pháp luật đầu tư, đất đai, khoáng sản, môi trường, xây dựng, chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn - quy chuẩn; một số vật liệu mới, vật liệu tái chế, cát nghiền, cát biển, chất nạo vét, đất đá thải mỏ và nguyên liệu thay thế còn thiếu tiêu chuẩn, định mức, hướng dẫn kỹ thuật; hồ sơ, thử nghiệm, báo cáo và yêu cầu cung cấp thông tin ở một số khâu còn có nguy cơ trùng lặp; dữ liệu ngành chưa đồng bộ, năng lực chuyển đổi số và hậu kiểm chưa đồng đều giữa các địa phương.

Những bất cập này cho thấy yêu cầu xây dựng Luật để xác lập khung nguyên tắc thống nhất, tháo gỡ điểm giao thoa, tăng khả năng dự báo, phối hợp, tái sử dụng dữ liệu và giảm chi phí tuân thủ.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích xây dựng chính sách

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, trọng tâm là Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư, Kết luận số 83-KL/TW ngày 08/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam và các nghị quyết, kết luận có liên quan; bảo đảm giữ vững năng lực sản xuất, ổn định cung ứng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; phát triển ngành theo hướng hiện đại, xanh, tuần hoàn, giảm phát thải, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng và phục vụ các công trình hạ tầng chiến lược.

- Hoàn thiện khung pháp lý chuyên ngành ở cấp luật, xử lý các khoảng trống và điểm giao thoa trong chuỗi giá trị vật liệu xây dựng; phân định rõ với pháp luật về địa chất và khoáng sản, đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thương mại và pháp luật có liên quan.

- Hoàn thiện chính sách phát triển VLXD theo hướng đổi mới công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng, bảo đảm chất lượng; tạo cơ chế kết nối nghiên cứu, sản xuất thử, tiêu chuẩn hóa, chuyển giao và thương mại hóa VLXD mới, VLXD xanh với các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ hiện hành; không làm phát sinh thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh mới.

- Bảo đảm sử dụng nguyên liệu hợp pháp tiết kiệm, hiệu quả, đúng cấp chất lượng; nâng cao tính chủ động của thị trường nguyên liệu; thiết lập cơ chế dự báo, cảnh báo và phối hợp bảo đảm nguồn cung VLXD thông thường cho các dự án, công trình khi nhu cầu tăng cao, không thực hiện phân bổ hành chính nguồn vật liệu.

- Nâng cao chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc và hiệu quả sử dụng vật liệu trong công trình; tạo điều kiện áp dụng vật liệu mới, vật liệu xanh, vật liệu tái chế và vật liệu thay thế khi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, an toàn.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua phân cấp, phân quyền hợp lý, phối hợp liên ngành, quản lý theo rủi ro, tăng cường hậu kiểm, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu; giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, doanh nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng chính sách

- Bám sát chủ trương phát triển công nghiệp vật liệu có trọng tâm, trọng điểm; đổi mới vật liệu xây dựng, ưu tiên giữ vững năng lực sản xuất, ổn định cung ứng, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả và cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường, đồng thời phục vụ các công trình hạ tầng chiến lược quốc gia.

- Luật chỉ quy định các vấn đề khung, nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ, chính sách và căn cứ phân cấp thuộc thẩm quyền của Quốc hội; không quy định lại nội dung đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh đầy đủ; các vấn đề kỹ thuật, thường xuyên biến động giao Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền quy định để bảo đảm linh hoạt, khả thi.

- Phát triển VLXD theo cơ chế thị trường, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng và lưu thông hàng hóa hợp pháp. Đối với VLXD thông thường thiết yếu, thực hiện dự báo, cảnh báo sớm và phối hợp nguồn cung trên cơ sở dữ liệu, nhu cầu công trình, nguồn cung hợp pháp và khả năng vận chuyển; không sử dụng biện pháp phân bổ hành chính để thay thế cơ chế thị trường.

- Gắn phát triển ngành với chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, năng lượng; thúc đẩy vật liệu không nung, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu thay thế cát tự nhiên và sản phẩm có hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao.

- Bảo đảm nguồn nguyên liệu hợp pháp, ổn định, đa dạng; khuyến khích chế biến sâu, sử dụng đúng cấp chất lượng và nguyên liệu thay thế. Hoạt động điều tra cơ bản địa chất, quy hoạch, thăm dò, khai thác, đóng cửa mỏ và nghĩa vụ môi trường liên quan thực hiện theo pháp luật về địa chất và khoáng sản, bảo vệ môi trường; Luật này tập trung vào chế biến, sử dụng nguyên liệu và phát triển thị trường nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng.

- Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng doanh nghiệp là trung tâm, gắn nghiên cứu với sản xuất thử, tiêu chuẩn hóa và thương mại hóa; chuyển đổi phương thức quản lý nhà nước sang dựa trên dữ liệu, xây dựng, kết nối và khai thác Cơ sở dữ liệu VLXD, tăng truy xuất nguồn gốc và hậu kiểm theo rủi ro.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực, năng lực thực hiện, trách nhiệm giải trình, kiểm tra và giám sát; tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng,

liên tỉnh; tránh trùng lặp trong báo cáo, thanh tra, kiểm tra và yêu cầu cung cấp thông tin.

- Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, ổn định, chi phí tuân thủ thấp; quản lý theo rủi ro, tăng cường hậu kiểm và sử dụng lại dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

- Chủ động hội nhập quốc tế, hài hòa tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp; nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn, truy xuất nguồn gốc, đặc tính xanh và phát thải; việc áp dụng hàng rào kỹ thuật, biện pháp phòng vệ thương mại thực hiện theo pháp luật về quản lý ngoại thương và điều ước quốc tế có liên quan.

- Bảo đảm tính khả thi và nguồn lực thực hiện; ưu tiên sử dụng bộ máy, nhân lực và hệ thống thông tin hiện có, đầu tư có trọng tâm cho dữ liệu, khoa học, công nghệ, thử nghiệm và đào tạo; không làm tăng đầu mối tổ chức hành chính, biên chế không cần thiết.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi của chính sách

Các chính sách của Dự án Luật được cấu trúc thành 06 nhóm tương ứng với 06 vấn đề cần giải quyết, cụ thể như sau:

- (1) Hoàn thiện công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng;
- (2) Hoàn thiện chính sách phát triển vật liệu xây dựng theo hướng đổi mới công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng, bảo đảm chất lượng và thúc đẩy phát triển vật liệu xây dựng mới, vật liệu xanh;
- (3) Hoàn thiện cơ chế quản lý chế biến, sử dụng nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng theo cơ chế thị trường, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm an ninh nguồn cung, điều phối cung - cầu vật liệu xây dựng thông thường;
- (4) Hoàn thiện quy định về sử dụng vật liệu xây dựng trong công trình xây dựng;
- (5) Thúc đẩy thu hồi, tái chế chất thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong công trình xây dựng; phát triển kinh tế tuần hoàn;
- (6) Quản lý nhà nước, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng của chính sách

- (1) Cơ quan nhà nước.
- (2) Tổ chức, cá nhân trong nước.
- (3) Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý, phát triển, sản xuất, kinh doanh, lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng vật liệu xây dựng tại Việt Nam.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Bộ Xây dựng đã rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng và các văn bản chỉ đạo có liên quan, trọng tâm là Chỉ thị số 03-CT/TW, Kết luận số 17-KL/TW, Kết luận số 18-KL/TW, Kết luận số 76-KL/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW và Kết luận số 83-KL/TW; đồng thời đối chiếu với các pháp luật chuyên ngành và kết quả thực hiện 11 Nghị quyết của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh để xác định đúng phạm vi các vấn đề cần quy định ở cấp luật, tránh tái lập thủ tục hoặc điều kiện đã được bãi bỏ, đơn giản hóa.

Tại Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới, trong đó yêu cầu: *“rà soát, nghiên cứu ban hành luật về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thực chất, khả thi thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số gắn với kết quả nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của ngành. Có chế tài đủ mạnh đối với hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các bộ, ngành, địa phương; tiếp tục cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính liên quan đến quản lý, phát triển vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng. Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù bảo đảm vật liệu san lấp cho các công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia”*; đồng thời giao: *“Đảng uỷ Chính phủ phối hợp với Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện, nghiên cứu ban hành luật về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng, các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách phù hợp trong công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng”*. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 về Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 03-CT/TW, trong đó giao Bộ Xây dựng nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng.

Thực hiện Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI và Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 ngày 22/5/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 185/NQ-CP ngày 10/7/2026. Tại Kế hoạch kèm theo Nghị quyết số 185/NQ-CP, nhiệm vụ *“Nghiên cứu, xây dựng dự án Luật về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng”* được giao Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện; thời hạn gửi báo cáo kết quả về Bộ Tư pháp trước ngày 31/12/2026, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 15/01/2027 và dự kiến đưa vào Chương trình lập pháp năm 2027. Bộ Xây dựng xác định đây là tiến độ khung để tổ chức xây dựng chính sách, hoàn thiện hồ sơ và chuẩn bị dự án Luật bảo đảm chất lượng, đúng trình tự, thủ tục.

Quá trình xây dựng chính sách và dự án Luật đồng thời quán triệt Công văn số 435/TTg-TCCV và Công điện số 36/CD-TTg ngày 25/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ: rà soát kỹ nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội và nội dung thuộc thẩm

quyền tổ chức, điều hành của Chính phủ; không “luật hóa” tên Bộ, tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể thuộc thẩm quyền phân công của Chính phủ; xác định đầy đủ các nội dung giao quy định chi tiết, xây dựng dự thảo văn bản quy định chi tiết song song với dự án Luật và bảo đảm hiệu lực đồng thời.

2. Thực hiện yêu cầu tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng đã có văn bản gửi 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các bộ, ngành có liên quan đề nghị báo cáo thực tiễn quản lý, phát triển vật liệu xây dựng và góp ý đối với 06 nhóm chính sách dự kiến xây dựng Luật¹. Đến thời điểm tổng hợp hồ sơ, Bộ Xây dựng đã nhận và tổng hợp báo cáo của 26/34 địa phương và 07/15 Bộ, cơ quan ngang Bộ; các báo cáo là nguồn thông tin thực tiễn để nhận diện vướng mắc, đánh giá tác động và hoàn thiện phương án chính sách. Đồng thời, Bộ Xây dựng cũng đã nghiên cứu các điều ước quốc tế có liên quan, kinh nghiệm pháp luật nước ngoài và hệ thống pháp luật hiện hành để bảo đảm tính tương thích, thống nhất của chính sách.

Qua tổng hợp báo cáo địa phương, các khó khăn tập trung vào một số nhóm vấn đề chính: (i) Thiếu hụt cục bộ cát, đá, vật liệu san lấp, phụ thuộc nguồn cung liên tỉnh, biến động giá và thiếu dữ liệu dùng chung để dự báo, điều phối; (ii) Thủ tục và yêu cầu quản lý còn giao thoa giữa pháp luật về đầu tư, đất đai, địa chất và khoáng sản, môi trường, xây dựng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; (iii) Thiếu tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức và hướng dẫn kỹ thuật đối với một số vật liệu mới, vật liệu tái chế, cát nghiền, cát biển, chất nạo vét, đất đá thải mỏ và nguyên liệu thay thế; (iv) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, địa phương miền núi, vùng xa còn hạn chế về vốn, công nghệ, hạ tầng thử nghiệm và nhân lực; (v) Chế độ báo cáo, kiểm tra, chứng nhận, thử nghiệm và cung cấp thông tin còn có nội dung trùng lặp; (vi) Dữ liệu ngành phân tán, năng lực chuyển đổi số và hậu kiểm ở một số địa phương còn hạn chế. Các nhóm vấn đề này đã được tiếp thu có chọn lọc vào 06 chính sách, bảo đảm không quy định lại nội dung đã thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành.

3. Bộ Xây dựng tổ chức lấy ý kiến các bộ, cơ quan theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; đồng thời tham vấn các hội, hiệp hội, doanh nghiệp, chuyên gia và các đối tượng chịu tác động. Việc tổng hợp, tiếp thu, giải trình được thực hiện trên cơ sở tính cần thiết, hợp pháp, khả thi, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và ý kiến theo chức năng quản lý nhà nước của cơ quan được lấy ý kiến.

4. Hồ sơ chính sách được đăng tải, lấy ý kiến và hoàn thiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các ý kiến tiếp thu được cập

¹Văn bản số 11135/BXD-KHCNMT&VLXD ngày 18/7/2026 và Văn bản số 12349/BXD-KHCNMT&VLXD ngày 06/8/2026 về việc báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về VLXD gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Văn bản số 12479/BXD-KHCNMT&VLXD ngày 08/8/2026 về việc báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện các chính sách pháp luật về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng gửi các bộ, cơ quan ngang bộ.

nhật đồng bộ giữa Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động, Báo cáo rà soát, Báo cáo tổng kết và Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách.

5. Hồ sơ chính sách gửi Bộ Tư pháp thẩm định được lập theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP).

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hoàn thiện công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng

a) Mục tiêu của chính sách

- Thiết lập hệ thống công cụ định hướng phát triển vật liệu xây dựng thống nhất, rõ chức năng và không chồng chéo với hệ thống quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch.

- Tạo cơ sở pháp lý để theo dõi, dự báo quy mô, cơ cấu một số vật liệu xây dựng chủ yếu phù hợp nhu cầu thị trường, hạn chế đầu tư dàn trải và dư thừa công suất.

- Hoàn thiện cơ chế theo dõi, đánh giá, rà soát và điều chỉnh Chiến lược, Kế hoạch trên cơ sở dữ liệu, bảo đảm khả năng phản ứng trước biến động về thị trường, công nghệ, năng lượng, nguồn nguyên liệu và yêu cầu giảm phát thải.

b) Nội dung của chính sách

- Luật hóa vị trí, chức năng và mối quan hệ giữa Chiến lược phát triển VLXD, nội dung phát triển VLXD trong hệ thống quy hoạch và Kế hoạch phát triển VLXD của địa phương; xác định rõ đây là công cụ định hướng, dự báo, tổ chức thực hiện, không phải điều kiện chấp thuận đầu tư hoặc cơ chế ấn định công suất, sản lượng.

- Nghiên cứu công cụ quy hoạch phù hợp đối với một số ngành vật liệu nền tảng trong đúng hệ thống quy hoạch theo Luật Quy hoạch; bảo đảm liên kết không gian giữa vùng nguyên liệu - cơ sở sản xuất - năng lượng - hạ tầng - logistics - thị trường, không quay lại mô hình quy hoạch sản phẩm hàng hóa trước năm 2019.

- Quy định cơ chế theo dõi, đánh giá, rà soát, điều chỉnh Chiến lược và Kế hoạch trên cơ sở dữ liệu, bảo đảm khả năng phản ứng trước biến động thị trường, công nghệ, năng lượng, nguồn nguyên liệu và yêu cầu giảm phát thải.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên các quy định hiện hành.

- Giải pháp 2. Hoàn thiện một số quy định để xử lý các bất cập, vướng mắc trực tiếp.

- Giải pháp 3. Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành luật, bảo đảm tính tập trung, thống nhất, không chồng chéo với các luật khác.

- Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 3 vì tạo được khung pháp lý ở cấp luật xác định rõ vị trí, chức năng và mối quan hệ giữa Chiến lược phát triển VLXD, nội dung phát triển VLXD trong hệ thống quy hoạch và Kế hoạch phát triển VLXD của địa phương. Phương án này bảo đảm công cụ quản lý có tính ổn định, dựa trên dữ liệu và dự báo nhưng không khôi phục quy hoạch sản phẩm, không ấn định công suất, sản lượng và không sử dụng kế hoạch làm điều kiện đầu tư.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện chính sách phát triển vật liệu xây dựng theo hướng đổi mới công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng, bảo đảm chất lượng và thúc đẩy phát triển vật liệu xây dựng mới, vật liệu xanh

a) Mục tiêu của chính sách

- Xác lập khung pháp lý đối với sản phẩm VLXD, VLXD mới và nhóm vật liệu ưu tiên phát triển, với tiêu chí có thể đo lường, kiểm chứng và cập nhật theo tiến bộ công nghệ.

- Luật hóa các nguyên tắc phát triển công nghệ, sử dụng hiệu quả nguyên liệu - nhiên liệu - năng lượng, giảm mức tiêu hao, bảo đảm chất lượng; thúc đẩy nghiên cứu, sản xuất thử, thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa, chuyển giao và thương mại hóa VLXD mới, VLXD xanh.

- Kết nối nhóm VLXD, công nghệ ưu tiên với các cơ chế hỗ trợ hiện hành về đầu tư, thuế, tín dụng, đất đai, khoa học - công nghệ và môi trường; không thành lập quỹ, thủ tục xác nhận ưu đãi hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh riêng cho VLXD.

b) Nội dung của chính sách

- Xác lập khung pháp lý đối với sản phẩm vật liệu xây dựng, vật liệu xây dựng mới và nhóm vật liệu ưu tiên phát triển. Luật quy định phạm vi sản phẩm vật liệu xây dựng; nguyên tắc nhận diện vật liệu xây dựng mới; nhóm vật liệu được khuyến khích như vật liệu mới, vật liệu xanh, vật liệu tái chế, vật liệu nhẹ, vật liệu thông minh, vật liệu tiết kiệm tài nguyên - năng lượng, vật liệu sử dụng nguyên liệu thứ cấp và vật liệu có tính năng đặc thù. Giao Chính phủ quy định, cập nhật tiêu chí nhận diện trên cơ sở các chỉ số có thể đo lường, kiểm chứng và phù hợp tiến bộ công nghệ. Yêu cầu chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp tiếp tục thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; không thiết lập một hệ thống kiểm soát chất lượng riêng của Luật.

- Luật hóa các yêu cầu phát triển chuyên ngành đối với hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng. Luật xác lập nguyên tắc phát triển công nghệ theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa, số hóa, nâng cao hiệu suất; sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm; sử dụng hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng; giảm mức tiêu hao; khuyến khích chế biến sâu, giảm tổn thất tài nguyên và sử dụng nguyên liệu thứ cấp, phụ phẩm hoặc chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và môi trường. Các thủ tục đất đai,

khai thác khoáng sản, môi trường, kiểm toán và quản lý năng lượng, định mức kỹ thuật và nghĩa vụ chuyên ngành tiếp tục thực hiện theo pháp luật tương ứng, không quy định lặp lại trong Luật.

- Thiết lập cơ chế chuyên ngành thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, sản xuất thử và thương mại hóa vật liệu xây dựng mới, đồng thời kết nối với các chính sách hỗ trợ hiện hành. Nhà nước ưu tiên xác định, đề xuất, đặt hàng hoặc lựa chọn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với công nghệ, sản phẩm thuộc định hướng ưu tiên; thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chế tạo mẫu, sản xuất thử, thử nghiệm - đánh giá tính năng, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn và phương pháp thử, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, trình diễn và thương mại hóa. Luật chỉ xác định đối tượng, định hướng ưu tiên và nguyên tắc kết nối; mức ưu đãi, nguồn lực và điều kiện hỗ trợ về thuế, tín dụng, đất đai, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác thực hiện theo pháp luật chuyên ngành, không thành lập quỹ hoặc cơ chế xác nhận ưu đãi riêng cho vật liệu xây dựng nếu pháp luật hiện hành đã có công cụ áp dụng.

- Xác lập nguyên tắc đầu tư dự án phát triển vật liệu xây dựng theo pháp luật đầu tư và khuyến khích đầu tư chiều sâu, cải tạo, đổi mới công nghệ. Luật không hình thành loại dự án đầu tư riêng, không đặt thêm thủ tục chấp thuận, giấy phép, xác nhận công suất hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh chuyên ngành khi các nội dung này đã được pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và pháp luật có liên quan điều chỉnh. Luật cần đồng thời có quy định chuyển tiếp phù hợp đối với dự án, cơ sở sản xuất đang hoạt động hoặc đang thực hiện thủ tục để bảo đảm tính liên tục và ổn định pháp lý.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định hiện hành.
- Giải pháp 2. Hoàn thiện một số quy định để xử lý các bất cập, vướng mắc trực tiếp.
- Giải pháp 3. Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành luật, bảo đảm tính ổn định, tập trung, thống nhất, không chồng chéo với các luật khác.
- Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 3 vì tạo khung pháp lý chuyên ngành đủ rõ để xác định nhóm VLXD ưu tiên, luật hóa các yêu cầu phát triển ổn định và nối chuỗi nghiên cứu - thử nghiệm - tiêu chuẩn hóa - chuyển giao - thương mại hóa với các cơ chế hỗ trợ hiện hành. Phương án này thúc đẩy đổi mới công nghệ và phát triển VLXD mới, VLXD xanh nhưng không thiết lập hệ thống ưu đãi, quỹ, thủ tục hay điều kiện đầu tư kinh doanh riêng trùng lặp với pháp luật chuyên ngành.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện cơ chế quản lý chế biến, sử dụng nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng theo cơ chế thị trường, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm an ninh nguồn cung, điều phối cung - cầu vật liệu xây dựng thông thường

a) Mục tiêu của chính sách

- Xác lập rõ phạm vi quản lý chuyên ngành đối với chế biến, sử dụng khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, không chồng chéo với pháp luật về địa chất và khoáng sản.

- Tăng quyền chủ động của doanh nghiệp trong lựa chọn, mua bán, nhập khẩu và đa dạng hóa nguồn nguyên liệu hợp pháp theo cơ chế thị trường; hình thành chuỗi cung ứng nguyên liệu ổn định, bền vững.

- Thúc đẩy chế biến sâu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng cấp chất lượng; tăng sử dụng khoáng sản đi kèm, đất đá thải mỏ, quặng đuôi, nguyên liệu tái chế và nguyên liệu thay thế đáp ứng yêu cầu pháp luật, kỹ thuật, chất lượng và môi trường.

- Thiết lập cơ chế dự báo, cảnh báo sớm và phối hợp bảo đảm nguồn cung VLXD thông thường trên cơ sở dữ liệu và nguyên tắc thị trường; không thực hiện phân bổ hành chính nguồn vật liệu.

b) Nội dung của chính sách

- Bổ sung cơ chế gắn dự báo nhu cầu VLXD và nhu cầu nguyên liệu khoáng sản với thông tin quy hoạch, quỹ mỏ, công suất khai thác và khả năng cung ứng; thiết lập cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý VLXD, cơ quan quản lý địa chất - khoáng sản và địa phương để kịp thời rà soát, huy động nguồn cung theo pháp luật chuyên ngành khi nhu cầu tăng cao.

- Thiết lập cơ chế bảo đảm an ninh nguồn cung và điều phối cung - cầu vật liệu xây dựng thông thường trên cơ sở dữ liệu, dự báo sớm và phối hợp liên vùng, liên tỉnh; theo dõi nhu cầu của dự án trọng điểm, nguồn cung hợp pháp, công suất khai thác, giá và khả năng vận chuyển. Việc huy động, điều chỉnh nguồn cung cụ thể thực hiện theo pháp luật chuyên ngành, không thực hiện phân bổ hành chính nguồn vật liệu.

- Phân định rõ phạm vi Luật với pháp luật địa chất và khoáng sản: pháp luật khoáng sản tiếp tục điều chỉnh điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, thu hồi và quyền khai thác; Luật tập trung vào chế biến, lựa chọn, sử dụng và thị trường nguyên liệu sau khi nguồn nguyên liệu được hình thành hợp pháp.

- Bảo đảm quyền chủ động lựa chọn, mua bán và đa dạng hóa nguồn nguyên liệu hợp pháp của doanh nghiệp theo cơ chế thị trường; không gán cứng cơ sở sản xuất với một nguồn mỏ nếu pháp luật không yêu cầu, đồng thời bảo đảm truy xuất nguồn gốc và chất lượng nguyên liệu.

- Luật hóa nguyên tắc sử dụng nguyên liệu tiết kiệm, hiệu quả, đúng cấp chất lượng; khuyến khích chế biến sâu, tận dụng khoáng sản đi kèm, đất đá thải mỏ, quặng đuôi, nguyên liệu tái chế và nguyên liệu thay thế khi đáp ứng yêu cầu; hạn chế sử dụng khoáng sản chất lượng cao cho mục đích có giá trị thấp.

- Kết nối dữ liệu nguồn nguyên liệu với cơ sở dữ liệu VLXD, gồm nguồn cung hợp pháp, cấp chất lượng, năng lực chế biến, sản lượng, nhu cầu, giá và logistics để phục vụ dự báo, cảnh báo và hoạch định chính sách.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định hiện hành.
- Giải pháp 2. Hoàn thiện một số quy định để xử lý các bất cập, vướng mắc trực tiếp.
- Giải pháp 3. Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành luật, bảo đảm tính ổn định, tập trung, thống nhất, không chồng chéo với các luật khác.
- Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 3 vì vừa phân định rõ phạm vi của Luật VLXD với pháp luật về địa chất và khoáng sản, vừa thiết lập các nguyên tắc chuyên ngành về lựa chọn, chế biến, sử dụng và thị trường nguyên liệu sau khi nguồn nguyên liệu được hình thành hợp pháp. Đồng thời, giải pháp này tạo cơ chế dự báo, cảnh báo và phối hợp bảo đảm nguồn cung VLXD thông thường trên cơ sở dữ liệu, không làm phát sinh giấy phép, điều kiện đầu tư kinh doanh hoặc cơ chế phân bổ hành chính mới.

4. Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về sử dụng vật liệu xây dựng trong công trình xây dựng

a) Mục tiêu của chính sách

- Bảo đảm vật liệu sử dụng trong công trình đáp ứng thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và yêu cầu chất lượng; xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong chuỗi cung ứng và sử dụng.
- Hạn chế kiểm tra, thử nghiệm và cung cấp hồ sơ trùng lặp thông qua công nhận, sử dụng lại kết quả đánh giá sự phù hợp và dữ liệu chất lượng đã được thực hiện hợp pháp, phù hợp mục đích sử dụng.
- Thúc đẩy sử dụng nhóm VLXD ưu tiên trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật, an toàn, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, chi phí vòng đời, khả năng cung ứng và điều kiện thị trường; tạo hành lang phù hợp cho vật liệu mới, vật liệu tái chế và vật liệu chưa có đầy đủ công cụ kỹ thuật.

b) Nội dung của chính sách

- Thiết lập nguyên tắc quản lý VLXD theo chuỗi và phân định rõ ranh giới giữa quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa với quản lý chất lượng công trình. Vật liệu, cấu kiện sử dụng trong công trình phải phù hợp thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn, độ bền, công năng, bảo vệ môi trường. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng ở khâu sản xuất, nhập khẩu, lưu thông thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; trách nhiệm lựa chọn, bảo quản, thi công, giám sát và nghiệm thu thực hiện

theo pháp luật về xây dựng. Luật đóng vai trò kết nối, không thiết lập lại thủ tục kiểm tra đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh.

- Quy định nguyên tắc công nhận, kế thừa và sử dụng lại kết quả đánh giá sự phù hợp và dữ liệu chất lượng. Kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, công bố hợp quy và tài liệu chất lượng đã được thực hiện hợp pháp được sử dụng lại khi xác định đúng sản phẩm hoặc lô hàng và còn phù hợp với mục đích, điều kiện sử dụng. Chỉ yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm bổ sung khi có căn cứ về rủi ro, thay đổi điều kiện sử dụng, yêu cầu kỹ thuật đặc thù, nghi ngờ tính xác thực hoặc dấu hiệu không phù hợp. Cách tiếp cận này giảm kiểm tra trùng lặp nhưng không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các chủ thể liên quan đối với chất lượng công trình.

- Thiết lập hành lang pháp lý cho đánh giá và sử dụng vật liệu mới, vật liệu tái chế và vật liệu chưa có đầy đủ công cụ kỹ thuật. Luật quy định nguyên tắc đánh giá dựa trên tính năng, yêu cầu thiết kế, mức độ an toàn và bằng chứng kỹ thuật; cho phép áp dụng tiêu chuẩn phù hợp theo pháp luật khi chưa có tiêu chuẩn quốc gia tương ứng. Nhà nước ưu tiên xây dựng, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, phương pháp thử và hướng dẫn kỹ thuật; có cơ chế thử nghiệm, trình diễn khi cần thiết, nhưng không hình thành thủ tục cấp phép hoặc phê duyệt sản phẩm riêng nếu pháp luật hiện hành đã có công cụ đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu.

- Xác lập cơ chế thúc đẩy sử dụng nhóm VLXD ưu tiên trên cơ sở hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, chi phí vòng đời và điều kiện thị trường. Luật xác định nguyên tắc khuyến khích vật liệu xanh, vật liệu xây không nung, vật liệu tái chế, vật liệu thay thế, vật liệu tiết kiệm năng lượng, vật liệu phát thải thấp và các nhóm vật liệu ưu tiên khác; giao Chính phủ quy định tiêu chí, phạm vi, nhóm công trình và lộ trình áp dụng theo từng thời kỳ. Đối với dự án, công trình sử dụng vốn nhà nước, việc ưu tiên chỉ thực hiện khi đáp ứng yêu cầu về chất lượng, khả năng cung ứng, hiệu quả đầu tư, cạnh tranh và tổng mức đầu tư; không ấn định cứng tỷ lệ sử dụng cho mọi công trình và không ưu tiên bắt buộc chỉ dựa trên xuất xứ sản phẩm.

- Phát triển cơ sở dữ liệu và công cụ lựa chọn VLXD theo hiệu quả vòng đời, đồng thời số hóa hồ sơ chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Luật quy định nguyên tắc chuẩn hóa, chia sẻ thông tin về tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, kết quả đánh giá sự phù hợp, tuổi thọ, chi phí bảo trì, hiệu quả năng lượng, thành phần tái chế và các chỉ tiêu môi trường phù hợp; khuyến khích tích hợp dữ liệu VLXD với hồ sơ số của dự án, công trình để hỗ trợ thiết kế, đấu thầu, nghiệm thu, vận hành và bảo trì. Thực hiện nguyên tắc không yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp cung cấp lại dữ liệu mà cơ quan nhà nước đã có và có thể khai thác hợp pháp

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định hiện hành.

- Giải pháp 2. Hoàn thiện một số quy định để xử lý các bất cập, vướng mắc trực tiếp.

- Giải pháp 3. Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành luật, bảo đảm tính ổn định, tập trung, thống nhất, không chồng chéo với các luật khác.

- Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn: Lựa chọn Giải pháp 3 vì tạo được nguyên tắc kết nối giữa quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa với quản lý chất lượng công trình, cho phép kế thừa kết quả đánh giá sự phù hợp, đồng thời thiết lập hành lang kỹ thuật cho vật liệu mới và cơ chế thúc đẩy sử dụng nhóm VLXD ưu tiên. Luật chỉ điều chỉnh yêu cầu chuyên ngành về vật liệu; trình tự thi công, giám sát, nghiệm thu và các thủ tục chất lượng tiếp tục thực hiện theo pháp luật tương ứng, qua đó hạn chế kiểm tra và hồ sơ trùng lặp.

5. Chính sách 5: Thúc đẩy thu hồi, tái chế chất thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong công trình xây dựng; phát triển kinh tế tuần hoàn

a) Mục tiêu của chính sách

- Xác lập chính sách chuyên ngành coi chất thải, phế thải, phụ phẩm và vật liệu thu hồi đủ điều kiện là nguồn tài nguyên thứ cấp cho sản xuất, sử dụng VLXD; tăng thu hồi, tái sử dụng, tái chế nhưng không quy định lại quy trình quản lý chất thải của pháp luật môi trường.

- Làm rõ điểm chuyển tiếp từ chất thải/phế thải sang nguyên liệu, sản phẩm VLXD và phân biệt vật liệu thu hồi trực tiếp để tái sử dụng, tái chế với chất thải đã phát sinh; bảo đảm yêu cầu về chất lượng, an toàn và môi trường.

- Phát triển thị trường VLXD tái chế và kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy tiêu chuẩn hóa, thông tin chất lượng, công khai nguồn vật liệu thứ cấp và kết nối với các cơ chế ưu đãi hiện hành theo pháp luật chuyên ngành.

b) Nội dung của chính sách

- Xác lập khung chính sách chuyên ngành về thu hồi, tái sử dụng, tái chế vật liệu thu hồi trực tiếp từ phá dỡ công trình, chất thải rắn xây dựng, chất thải công nghiệp, phế thải, phụ phẩm và nguồn vật liệu thứ cấp để làm nguyên liệu sản xuất VLXD hoặc sử dụng làm VLXD khi đáp ứng yêu cầu; không quy định lại quy trình quản lý chất thải của pháp luật môi trường.

- Làm rõ điểm chuyển tiếp từ chất thải/phế thải sang nguyên liệu, sản phẩm VLXD: khi đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu chất lượng, an toàn và môi trường thì được quản lý, sử dụng theo pháp luật về sản phẩm, hàng hóa và xây dựng; phân biệt vật liệu thu hồi trực tiếp để tái sử dụng/tái chế với chất thải đã phát sinh.

- Làm rõ hướng sử dụng đối với đất, đá, chất thải rắn và bùn thải phát sinh từ hoạt động xây dựng; đất, đá thải mỏ và quặng đuôi: được tái chế làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng hoặc sử dụng trực tiếp làm vật liệu san lấp khi đáp ứng tiêu chuẩn áp dụng hoặc yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu thiết kế, chất lượng, an toàn và môi trường; thủ tục thu hồi, quản lý nguồn thải thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

- Khuyến khích đồng xử lý và sử dụng tro, xỉ, thạch cao, xỉ luyện kim, chất thải xây dựng, đất đá thải mỏ, quặng đuôi và các nguồn phù hợp làm nguyên liệu, nhiên liệu hoặc vật liệu thay thế theo pháp luật chuyên ngành; thúc đẩy tiêu chuẩn hóa, phương pháp thử, định mức và hướng dẫn kỹ thuật.

- Phát triển thị trường vật liệu tái chế, công khai thông tin nguồn vật liệu thứ cấp và sản phẩm đầu ra; cơ chế ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, môi trường, khoa học - công nghệ thực hiện theo pháp luật chuyên ngành, tránh tạo cơ chế ưu đãi riêng trùng lặp.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định hiện hành.

- Giải pháp 2. Hoàn thiện một số quy định để xử lý các bất cập, vướng mắc trực tiếp.

- Giải pháp 3. Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành luật, bảo đảm tính ổn định, tập trung, thống nhất, không chồng chéo với các luật khác.

- Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 3 vì Luật chỉ cần xác lập chính sách chuyên ngành đối với giai đoạn nguồn vật liệu thứ cấp được đưa vào chuỗi nguyên liệu, sản phẩm và sử dụng trong công trình; các khâu phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, chuyển giao, xử lý chất thải và thủ tục thu hồi đất đá thải mỏ tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. Cách tiếp cận này làm rõ điểm chuyển tiếp pháp lý, thúc đẩy tái chế và kinh tế tuần hoàn nhưng không tạo quy trình quản lý chất thải song song.

6. Chính sách 6: Quản lý nhà nước, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng

a) Mục tiêu của chính sách

- Xác định rõ nội dung quản lý nhà nước đặc thù về VLXD, nguyên tắc phối hợp, phân cấp, kiểm tra và giám sát.

- Xây dựng Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu VLXD dùng chung, chuẩn hóa và kết nối với dữ liệu xây dựng, địa chất - khoáng sản, môi trường, doanh nghiệp, đầu tư, hải quan và các hệ thống có liên quan; thực hiện nguyên tắc không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu cơ quan nhà nước đã có và có thể khai thác hợp pháp.

- Chuyên phương thức quản lý sang dựa trên dữ liệu và rủi ro; ứng dụng phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để dự báo cung - cầu, cảnh báo thiếu hụt/dư thừa, theo dõi giá, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và kiểm tra có trọng tâm.

b) Nội dung của chính sách

- Quy định nội dung quản lý nhà nước đặc thù theo chuỗi VLXD, phân định rõ trách nhiệm và nguyên tắc phối hợp, phân cấp, kiểm tra, giám sát.

- Thiết lập cơ chế quản lý đáp ứng sự phát triển của vật liệu mới và vật liệu

tái chế, hình thành đầy đủ cơ chế quản lý theo vòng đời vật liệu nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, sử dụng tài nguyên hiệu quả và giảm phát thải.

- Xây dựng Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu VLXD là hạ tầng dữ liệu dùng chung, gồm tối thiểu dữ liệu về năng lực sản xuất, sản lượng, nguồn nguyên liệu, chất lượng, tiêu chuẩn áp dụng, giá, cung - cầu, thị trường, vật liệu mới - xanh - tái chế; bảo đảm chuẩn hóa, cập nhật, an toàn, bảo mật.

- Thiết lập nguyên tắc kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu với cơ sở dữ liệu xây dựng, địa chất - khoáng sản, môi trường, doanh nghiệp, đầu tư, hải quan và các hệ thống liên quan; xác định nguồn dữ liệu gốc, mã định danh, kỳ cập nhật và nguyên tắc không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại dữ liệu cơ quan nhà nước đã có và có thể khai thác hợp pháp.

- Chuyển phương thức quản lý sang dựa trên dữ liệu và rủi ro; ứng dụng phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để dự báo cung - cầu, cảnh báo thiếu hụt/dư thừa, theo dõi giá, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và kiểm tra có trọng tâm; chuẩn hóa chế độ báo cáo và phát triển năng lực số ở địa phương.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định hiện hành.

- Giải pháp 2. Hoàn thiện một số quy định để xử lý các bất cập, vướng mắc trực tiếp.

- Giải pháp 3. Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành luật, bảo đảm tính ổn định, tập trung, thống nhất, không chồng chéo với các luật khác.

- Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 3 vì tạo khung pháp lý thống nhất cho quản lý nhà nước theo chuỗi VLXD và hình thành Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu VLXD dùng chung. Quy định ở cấp luật tập trung vào nội dung quản lý đặc thù, nguyên tắc phối hợp, phân cấp, nguồn dữ liệu gốc, kết nối và tái sử dụng dữ liệu; không hình thành cơ sở dữ liệu trùng lặp hoặc yêu cầu báo cáo lại thông tin cơ quan nhà nước có thể khai thác hợp pháp. Đây là nền tảng để chuyển quản lý ngành sang dựa trên dữ liệu và rủi ro, tăng chất lượng dự báo và hậu kiểm.

Tổng thể 06 chính sách nêu trên được xây dựng trực tiếp từ các khoảng trống pháp lý và bất cập đã được nhận diện tại Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật. Các chính sách không mở rộng sang các nội dung đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh mà tập trung vào các “điểm nối” của chuỗi VLXD: Công cụ định hướng - dự báo; phát triển sản phẩm, công nghệ; chế biến, sử dụng và thị trường nguyên liệu; sử dụng vật liệu trong công trình; tài nguyên thứ cấp và kinh tế tuần hoàn; quản lý nhà nước và dữ liệu.

7. Kết quả rà soát về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác

1. Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Các chính sách được thiết kế theo nguyên tắc không tạo thêm giấy phép, điều kiện đầu tư kinh doanh, xác nhận công suất, thủ tục chấp thuận sản phẩm hoặc quy trình quản lý chất thải riêng. Chiến lược và Kế hoạch phát triển VLXD chỉ là công cụ định hướng, dự báo và tổ chức thực hiện, không được sử dụng làm điều kiện đầu tư; các thủ tục đầu tư, đất đai, khoáng sản, môi trường, thuế, tín dụng, chất lượng, tiêu chuẩn - quy chuẩn tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

Đối với quản lý chất lượng và sử dụng VLXD trong công trình, chính sách định hướng công nhận, kế thừa và tái sử dụng kết quả thử nghiệm, chứng nhận, đánh giá sự phù hợp và dữ liệu chất lượng đã được thực hiện hợp pháp; chỉ yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm bổ sung khi có căn cứ về kỹ thuật, an toàn, mức độ rủi ro hoặc dấu hiệu không phù hợp. Đối với dữ liệu, thực hiện nguyên tắc không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin cơ quan nhà nước đã có và có thể khai thác hợp pháp. Đây là các nội dung trực tiếp góp phần cắt giảm hồ sơ, báo cáo và chi phí tuân thủ.

2. Về phân quyền, phân cấp

Chính sách tiếp tục thực hiện nguyên tắc Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về VLXD; Luật chỉ quy định nội dung quản lý, trách nhiệm cơ bản và căn cứ phân cấp thuộc thẩm quyền Quốc hội, không luật hóa tên bộ, cơ quan ngang bộ hoặc nhiệm vụ chi tiết thuộc thẩm quyền phân công của Chính phủ. Đối với địa phương, tiếp tục tăng tính chủ động trong lập và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển VLXD, theo dõi cung - cầu, cập nhật dữ liệu, quản lý theo thẩm quyền; việc phân cấp phải gắn với nguồn lực, năng lực thực hiện, trách nhiệm giải trình, kiểm tra và chia sẻ dữ liệu.

3. Về vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền

a) Về tên gọi của Luật: Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới; Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 03-CT/TW; Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI và các chương trình, kế hoạch triển khai có liên quan bước đầu xác định nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng “*Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng*”.

Qua quá trình tổng kết thi hành pháp luật, rà soát hệ thống pháp luật và nghiên cứu phạm vi các chính sách dự kiến quy định tại Luật cho thấy nội dung điều chỉnh của dự án Luật không chỉ giới hạn ở hoạt động quản lý nhà nước và các chính sách phát triển vật liệu xây dựng, mà bao quát toàn bộ các quan hệ pháp luật đặc thù liên quan đến vật liệu xây dựng trong chuỗi giá trị, gồm: chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

phát triển; nguyên liệu; sản xuất, lưu thông và thị trường; chất lượng; sử dụng vật liệu trong công trình; thu hồi, tái sử dụng, tái chế; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cơ sở dữ liệu.

Do đó, việc sử dụng tên “*Luật Vật liệu xây dựng*” có tính bao quát và ổn định, phản ánh đầy đủ đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Luật, đồng thời phù hợp để hoàn thiện các quy định trong quá trình xây dựng dự án Luật, thích ứng với sự phát triển của công nghệ, thị trường và yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới. Tên gọi này không làm thay đổi mục tiêu, định hướng chính sách đã được xác định tại Chỉ thị số 03-CT/TW và các văn bản triển khai; nội dung quản lý và phát triển vật liệu xây dựng tiếp tục là các nội dung cơ bản và trọng tâm của dự án Luật.

Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ cho phép đổi tên dự án từ “*Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng*” thành “*Luật Vật liệu xây dựng*”.

b) Ngoài ra, đến thời điểm hoàn thiện hồ sơ chính sách phục vụ thẩm định, chưa có vấn đề còn ý kiến khác nhau thuộc thẩm quyền Chính phủ cần quyết định ngay. Đối với một số nội dung còn đang tiếp tục nghiên cứu, nhất là công cụ quy hoạch phù hợp đối với một số ngành VLXD chủ yếu trong hệ thống quy hoạch và mức độ giao Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình đối với nhóm VLXD ưu tiên, Bộ Xây dựng đề xuất tiếp tục lấy ý kiến trong quá trình thẩm định; trường hợp còn có ý kiến khác nhau sau thẩm định, sẽ tổng hợp rõ từng phương án, ưu - nhược điểm và kiến nghị phương án để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

VI. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*

(Mục này được cập nhật trong Tờ trình trình Chính phủ sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định, nếu phát sinh nội dung bổ sung mới so với hồ sơ chính sách gửi thẩm định.)

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Ngay trong quá trình soạn thảo dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng, cơ quan chủ trì soạn thảo đồng thời xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật theo hướng tập trung, thống nhất, tinh gọn, hiệu quả và đúng thẩm quyền; ưu tiên một Nghị định quy định chi tiết nhiều nội dung được giao, hạn chế chia nhỏ thành nhiều văn bản quy phạm khi không thật sự cần thiết. Dự thảo văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phải được chuẩn bị để kèm hồ sơ dự án Luật theo yêu cầu của pháp luật và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; các nội dung giao Bộ trưởng quy định chi tiết phải được rà soát chặt chẽ về căn cứ, phạm vi và thẩm quyền.

Đồng thời, rà soát toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để xác định rõ văn bản tiếp tục có hiệu lực, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ; chủ động xử lý các quy định sẽ hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp để không tạo khoảng trống pháp lý. Các văn bản quy định chi tiết phải được ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với Luật. Việc xây dựng, sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia thực hiện theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; tiêu chuẩn quốc gia không phải là văn bản quy định chi tiết Luật.

2. Tổ chức thực thi Luật sau khi ban hành

a) Tuyên truyền, phổ biến Luật: Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền nội dung Luật và các văn bản quy định chi tiết, bảo đảm cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân có liên quan được tiếp cận đầy đủ, kịp thời.

b) Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

- Về tổ chức bộ máy và nhân lực: Việc thực hiện chính sách cơ bản sử dụng tổ chức bộ máy, biên chế và nguồn nhân lực hiện có, không đặt ra yêu cầu thành lập thêm tổ chức hành chính hoặc tăng biên chế. Luật không quy định cụ thể tên Bộ, cơ quan ngang Bộ và nhiệm vụ, quyền hạn chi tiết thuộc thẩm quyền phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về VLXD và phân công phạm vi quản lý giữa các cơ quan theo Luật Tổ chức Chính phủ, bảo đảm rõ đầu mối, không chồng chéo và phù hợp chủ trương phân cấp, phân quyền.

- Nguồn lực tài chính được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp và lồng ghép với các chương trình, nhiệm vụ hiện có về quy hoạch, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Việc hỗ trợ nghiên cứu, phát triển VLXD mới, VLXD xanh và đầu tư hạ tầng dữ liệu, thử nghiệm thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội và đầu tư của doanh nghiệp, không thành lập quỹ riêng của Luật nếu chưa có căn cứ và nhu cầu độc lập.

- Về thủ tục và hệ thống thông tin: ưu tiên sử dụng, kết nối, tái sử dụng các thủ tục, cơ sở dữ liệu và nền tảng số hiện có; trường hợp cần quy định thủ tục hành chính mới trong giai đoạn soạn thảo dự án Luật phải chứng minh sự cần thiết, đánh giá tác động theo pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và lựa chọn phương án có chi phí tuân thủ thấp nhất.

3. Giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành Luật

Tổ chức giám sát, thanh tra, kiểm tra và theo dõi thi hành Luật theo nguyên tắc quản lý rủi ro, tăng cường hậu kiểm, phối hợp và chia sẻ kết quả giữa các cơ quan; hạn chế kiểm tra trùng lặp cùng nội dung đối với cùng đối tượng trong cùng thời kỳ, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm hoặc pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI DỰ ÁN LUẬT

- Tiến độ thực hiện nhiệm vụ lập pháp thực hiện theo Nghị quyết số 185/NQ-CP ngày 10/7/2026; Bộ Xây dựng gửi báo cáo kết quả nghiên cứu, rà soát về Bộ Tư pháp trước ngày 31/12/2026 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ; Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 15/01/2027.

- Dự kiến đưa nhiệm vụ xây dựng Luật vào Chương trình lập pháp năm 2027 theo Nghị quyết số 185/NQ-CP; thời điểm trình Quốc hội xem xét, thông qua được xác định theo Chương trình lập pháp và quyết định của cấp có thẩm quyền trên cơ sở chất lượng, mức độ hoàn thiện của hồ sơ dự án Luật.

Trên đây là Tờ trình chính sách của Dự án Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

- (1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;*
- (2) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan;*
- (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật và đánh giá thực trạng quan hệ xã hội;*
- (4) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách;*
- (5) Bảng tổng hợp ý kiến.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh